

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HS-ST
Ngày 19-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Quyên.

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Quang Tr (tên gọi khác: L)**, sinh ngày 11/01/1987 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường Y, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn lớp: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T và bà Nguyễn Thị N; vợ: Nguyễn Thị Thùy Y; bị cáo có 01 con sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự, ngày 24/6/2020 bị Công an thị xã Buôn Hồ lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Về nhân thân: Tại bản án số 245/2006/HSST ngày 25/9/2006, Lê Quang Tr bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội cướp tài sản, ngày 23/01/2010 chấp hành xong hình phạt; tại bản án số 01/2012/HSST ngày 20/02/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 08/5/2012; tại bản án số 22/2014/HSST ngày 16/4/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm tù về tội trộm cắp tài sản và tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt ngày 13/6/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/8/2020 đến nay - có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: 1. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1962, có mặt.

2. Anh Lê Văn T, sinh năm 1995, có mặt

Đều trú tại: Số M, tổ dân phố Đ, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Đặng Thị M, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: tổ dân phố Đ, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thùy Y, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường Y, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Quang Tr, là đối tượng nghiện ma túy. Để có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng, nên bị cáo Trung nảy sinh ý định đi đến khu vực phường T, thị xã B tìm nhà dân sơ hở trong việc trông coi tài sản đột nhập vào để trộm cắp. Do đó, vào khoảng 13 giờ ngày 01 tháng 6 năm 2020, bị cáo Trung điều khiển xe mô tô không biển số, loại xe Wave, màu xanh của gia đình đi đến tổ dân phố Đ thuộc phường T, thị xã B. Khi đi qua nhà ông Lê Văn Th, bị cáo phát hiện thấy nhà khoá cửa, không có người trông coi, nên điều khiển xe mô tô đi qua nhà ông Th khoảng 100m, giấu xe vào bụi cây ven đường, rồi đi bộ vào vườn cà phê phía sau nhà ông Th để tiếp cận ngôi nhà, nhìn qua cửa sổ bị cáo phát hiện một chiếc điện thoại di động Iphone để trên giường nên thò tay vào để lấy nhưng không được. Lúc này, bị cáo đi ra phía sau nhà, dùng tay gạt bung cánh cửa sắt và đột nhập vào bên trong nhà đi đến giường nơi để điện thoại lấy chiếc Iphone 11, màu đỏ, được bao ốp lưng nhựa trong suốt bỏ vào túi quần bên trái. Tiếp đó bị cáo đi vào phòng ngủ cạnh phòng khách tìm tài sản thấy một chiếc ví da đặt trên đầu giường, bị cáo mở ra lấy số tiền 300.000 đồng bỏ vào túi quần rồi đặt lại vị trí cũ. Sau đó, bị cáo tiếp tục đi qua phòng ngủ bên cạnh phát hiện trong túi quần được treo trên móc đồ gần giường có 01 ví da nên mở ra lấy số tiền 6.800.000 đồng bỏ vào túi rồi tẩu thoát ra ngoài theo lối trước đó đột nhập vào nhà đi đến nơi giấu trước đó lấy xe đi về nhà. Trên đường về, bị cáo tháo chiếc ốp lưng bảo vệ điện thoại vứt ở dọc đường. Bị cáo về nhà đưa chiếc điện thoại vừa trộm cắp được cho vợ là chị Nguyễn Thị Thùy Y, sinh năm 1998 sử dụng và nói đây là điện thoại bị cáo nhặt được. Đối với số tiền bị cáo trộm cắp được, bị cáo đưa cho chị Y số tiền 2.000.000 đồng, và nói đó là tiền bán bơ trong rẫy của gia đình. Số tiền còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân và mua ma túy hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 21/HĐĐG ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thị xã B kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11, màu đỏ, dung lượng 64Gb, số Imei: 356550107316923 mua vào tháng 5 năm 2020; tại thời điểm ngày 01 tháng 6 năm 2020 có giá trị là: 14.744.000 đồng.

Vật chứng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ tạm giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, dung lượng 64Gb, màu đỏ, số IMEI: 356550107316923; số tiền 2.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 45/CT-VKSBH ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Lê Quang Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ giữ quyền công tố trình bày luận tội và tranh luận xác định: Do ý thức xem thường pháp luật của Nhà nước và nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân, nên vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01 tháng 6 năm 2020, bị cáo Lê Quang Tr đã có hành vi lén lút, bí mật đột nhập vào nhà ông Lê Văn Th ở số nhà M, TDP Đ, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đỏ, dung lượng 64Gb, giá trị 14.744.000 đồng và số tiền 7.100.000 đồng của gia đình ông Lê Văn Th. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 21.844.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang Tr từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không đặt ra quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Buôn Hồ đã giao trả cho anh Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, dung lượng 64Gb, màu đỏ, số IMEI: 356550107316923.

Đề nghị tuyên trả lại cho ông Lê Văn Th số tiền 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Quang Tr khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với hành vi mà nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Tại phiên tòa bị hại khai nhận phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự, giữ nguyên ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khai nhận phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Buôn Hồ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, đương sự không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Quang Tr khai nhận: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01 tháng 6 năm 2020, bị cáo đã có hành vi lén lút, bí mật đột nhập vào nhà ông Lê Văn Th ở số nhà M, TDP Đ, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đỏ, dung lượng 64Gb, giá trị 14.744.000 đồng và số tiền 7.100.000 đồng của gia đình ông Lê Văn Th. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 21.844.000 đồng, nên Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Xét lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo là người có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống. Bị cáo biết được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều bị xử lý bằng pháp luật. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và động cơ tư lợi cá nhân, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đỏ, dung lượng 64Gb, giá trị 14.744.000 đồng và số tiền 7.100.000 đồng của gia đình ông Lê Văn Th. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, tại bản án số 245/2006/HSST ngày 25/9/2006, Lê Quang Tr bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội cướp tài sản, ngày 23/01/2010 chấp hành xong hình phạt; tại bản án số 01/2012/HSST ngày 20/02/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 08/5/2012; tại bản án số 22/2014/HSST ngày 16/4/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm tù về tội trộm cắp tài sản và tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt ngày 13/6/2017. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự, đồng thời có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Do vậy bị cáo được hưởng tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét tính chất vụ án, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội đồng thời góp phần giáo dục phòng ngừa tội phạm chung và riêng trong toàn xã hội.

[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản, đề nghị hình phạt áp dụng, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại và bị cáo thỏa thuận và đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 4.000.000 đồng. Bị hại không yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận bồi thường là hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với khoản 1, khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về các vấn đề khác:

[9.1] Đối với chiếc ốp lưng của chiếc điện thoại Iphone 11 mà bị cáo đã trộm, trên đường về nhà bị cáo đã vứt bỏ nhưng không nhớ vị trí cụ thể nên không thu giữ được và anh Lê Văn T không yêu cầu nhận lại, nên không đặt ra xem xét.

[9.2] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu xanh, không biển số bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra cho thấy chiếc xe trên bị cáo mua của một người tên là Hùng (không rõ nhân thân lai lịch), khi mua không làm giấy tờ, xe có biển số. Tuy nhiên quá trình sử dụng bị cáo đã làm rơi mất biển số. Đến ngày 06 tháng 6 năm 2020, bị cáo để chiếc xe trên tại nhà mẹ ruột là bà Nguyễn Thị N thì bị kẻ gian lấy trộm nên không thu giữ được. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau.

[9.3] Đối với hành vi của chị Nguyễn Thị Thùy Y sử dụng chiếc điện thoại di động Iphone 11 và số tiền 2.000.000 đồng do bị cáo đưa cho, nhưng chị Y không biết tài sản trên là do bị cáo Tr phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ pháp luật.

[10] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Buôn Hồ đã giao trả cho anh Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, dung lượng 64Gb, màu đỏ, số IMEI: 356550107316923 theo quyết định xử lý vật chứng số 15 ngày 20/8/2020. Xét thấy việc giao trả là phù hợp với khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị Thùy Y giao nộp tại cơ quan điều tra, đây là số tiền do bị cáo Trung trộm cắp của ông Lê Văn Th nên cần tuyên trả lại cho ông Th là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Quang Tr** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Quang Tr: 01 năm 06** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 17/8/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự

Ghi nhận việc bị hại ông Lê Văn Th, anh Lê Văn T và bị cáo Lê Quang Tr thỏa thuận và đã bồi thường tổng số tiền là 4.000.000 đồng.

***Về xử lý vật chứng:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.*

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Buôn Hồ đã giao trả cho anh Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, dung lượng 64Gb, màu đỏ, số IMEI: 356550107316923 theo quyết định xử lý vật chứng số 15 ngày 20/8/2020.

Trả lại cho bị hại ông Lê Văn Th số tiền 2.000.000 đồng. Đây là số tiền bị cáo Lê Quang Tr trộm cắp được và chị Nguyễn Thị Thùy Y đã giao nộp tại cơ quan điều tra.

****Về án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Bị cáo Lê Quang Tr phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

****Về quyền kháng cáo:** Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.*

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo, bị hại; các đương sự;
- THA phạt tù;
- Lưu HS, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tùng Lâm